UBND TỈNH NINH THUẬN
BAN QUẢN LÝ VQG PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /BC-BQLVQGPB

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020

Thực hiện Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020. Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác THTK, CPL

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020. Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình ban hành Chương trình số 01/CTr-BQLVQGPB ngày 16/3/2020 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 triển khai đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị.

2. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

Đơn vị đã phối hợp với các đoàn thể, quần chúng và các đơn vị trực thuộc thường xuyên tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt một số văn bản liên quan đến công tác THTK, CLP; tuyên truyền Chương trình THTK, CLP của ngành, lĩnh vực mình đến từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi mình quản lý.

Trong năm 2020, các phòng và đơn vị trực thuộc đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức tham dự về phòng chống tham nhũng và THTK, CLP gắn liền với thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Qua đó, nội dung tuyên truyền đã tạo nền tảng thông tin sâu rộng góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ công chức, viên chức trong đơn vị về công tác THTK, CLP.

Việc tuyên truyền, phổ biến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện dưới các hình thức như văn bản, mạng thông tin, hệ thống quản lý công văn nội bộ, email…

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP:

Căn cứ Chương trình hành động của đơn vị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 được tất cả cán bộ công chức, viên chức trong đơn vị nhất trí tại cuộc họp cuối năm. Qua đó các phòng ban và đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan và các quy định về quản lý, mua sắm tài sản công, trang thiết bị làm việc đúng theo quy định.

Tăng cường ý thức trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn đơn vị, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị, xử lý nghiêm các hành vi gây ra thất thoát, lãng phí làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và cá nhân.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP.

Công tác kiểm tra, giám sát được đơn vị thường xuyên quan tâm, kịp thời thay đổi, bổ sung định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Bên cạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện, đơn vị đã đưa nội dung kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong kế hoạch kiểm tra hàng năm của đơn vị và đã được tập thể cán bộ đồng ý.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

Lãnh đạo đơn vị đã chỉ đạo các phòng và đơn vị trực thuộc tham mưu xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong quy chế chi tiêu nội bộ.

Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Tỉnh, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục về chế độ phục vụ công tác của cơ quan như: quy định sử dụng báo chí, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, nhiên liệu, hội nghị, tiếp khách, máy vi tính, máy in, công tác phí, mua sắm, sữa chữa…

b) THTK, CLP trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý:

Hằng năm đơn vị nhận và giao dự toán chi ngân sách nhà nước đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; đồng thời, tập trung chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao đáp ứng các nhiệm vụ chi đúng mục đích, đúng quy định.

c) THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan. Lãnh đạo Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình đã chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, đúng định mức, chế độ quy định. Trong mua sắm luôn có kế hoạch cụ thể và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo tốt cho nhu cầu công việc, tận dụng các trang thiết bị sẵn có, chỉ đề nghị mua sắm mới trong trường hợp cần thiết phục vụ cho công việc.

d) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động:

Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động theo đúng Luật lao động và các văn bản quy định hiện hành. Năm 2020 công tác tổ chức bộ máy được thực hiện kịp thời, tổ chức bộ máy của phòng ban và đơn vị trực thuộc được ổn định, hoạt động có hiệu quả. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với chức danh Giám đốc Trung tâm, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng ban, Trạm trưởng, Phó trạm trưởng, Tổ trưởng; tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, thuyên chuyển, tiếp nhận, điều động kịp thời đúng quy định.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

3. Phân tích, đánh giá:

a) Ưu điểm:

Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình đã chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước về công tác THTK, CLP đến các phòng và đơn vị trực thuộc. Năm 2020 công tác quản lý các khoản chi của đơn vị đúng với dự toán đã được duyệt. Nhìn chung cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị ngày càng có ý thức, trách nhiệm hơn trong việc THTK, CLP.

Hầu hết các đơn vị trực thuộc đều đã ban hành Chương trình THTK, CLP, trên cơ sở đó thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính

trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong cơ quan tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

b) Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số mặt còn hạn chế cụ thể: Một số ít cán bộ viên chức trong đơn vị chưa thực hiện tốt việc thực hành tiết tiệm, chống lãng phí, chưa thể hiện tính tự giác cao.

Công tác xây dựng chương trình THTK, CLP ở đơn vị vẫn còn chung chung, không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể.

. Công tác kiểm tra thực hành tiết kiệm chưa thường xuyên và kịp thời.

c) Những kinh nghiệm rút ra:

Tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và các cơ quan chức năng có liên quan về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, phòng ban để rút ngắn thời gian xử lý công việc.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị cũng như ý thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công tác THTK, CLP. Kịp thời khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác THTK, CLP và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vị cố tình gây lãng phí.

Phối hợp Công đoàn phát động thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đánh gia kịp thời hiệu quả từ cải tiến kỹ thuật để khen thưởng, động viên người lao động kịp thời, đúng chế độ quy định.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về THTK, CLP năm 2021.

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THTK, CLP năm 2020, Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2021 như sau:

Năm 2021 đơn vị bám sát các mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ được giao, xây dựng Chương trình hành động THTK, CLP nhằm tiết kiệm chi phí , tăng nguồn thu của đơn vị tăng thu nhập cho người lao động trong đơn vị.

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh về các giải pháp cụ thể liên quan đến công tác THTK, CLP.

Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ THTK, CLP.

Thực hiện công khai tài chính theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ theo các văn bản hiện hành cho phù hợp với yêu

cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị, bổ sung nội quy cơ quan, quy định về sử dụng xe công và các phương tiện làm việc, quy định về sử dụng điện thắp sáng, điện thoại, nước, thực hiện khoán công tác phí, tiết kiệm sách, báo… việc mua sắm, sửa chữa tài sản phải đúng chế độ quy định và sử dụng có hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm kịp thời các vụ việc lãng phí.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ để đáp ứng yêu cầu về THTK, CLP được kịp thời.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý.

Thực hiện đúng chế độ làm việc theo quy định, tiếp tục củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, luân chuyển cán bộ, công chức để phát huy tốt trình độ, năng lực, thực hiện cải cách hành chính theo hướng tiết kiệm, chống lãng phí bảo đảm hoàn thành chức năng, nhiệm vụ kế hoạch được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình kính báo Sở Tài chính tổng hợp báo cáo./.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc vườn;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH TỈNH NINH THUẬN

Nguyễn Công Vân

BAN QUẢN LÝ VQG PHƯỚC BÌNH

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo:...(năm) 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	**Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	1	1	1			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	0	0	0			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	1	1	1			
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)							
II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**							
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	*triệu đồng*	0	0	0			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	*triệu đồng*	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Tiết kiệm sử dụng điện	*triệu đồng*	0	0	0			khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm xăng, dầu	*triệu đồng*	0	0	0			
	Tiết kiệm nước sạch	*triệu đồng*	0	0	0			
	Tiết kiệm công tác phí	*triệu đồng*	0	0	0			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	*triệu đồng*	0	0	0			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	*triệu đồng*	0	0	0			
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	*triệu đồng*	0	0	0			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	85,4	0	0			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	141,9	0	1.467,8	10,34%	100%	chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0	0	30		100%	
	Các nội dung khác		0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	0			
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	0	0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0			
4	**Các nội dung khác**		0	0	0			
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**							
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	8	0	0			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	1	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	1	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0			
2	**Tài sản khác**							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
3	**Các nội dung khác**		0	0	0			
IV	**Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**							
1	**Trong đầu tư xây dựng**							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	0				
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	0	0				Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*	141,9	0	1,497,8	10,56%	100%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	5.000	4.000	100%	80%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	1	1	100%	100%	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0			
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	**Trụ sở làm việc**							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	8.068	0	0			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3	**Nhà công vụ**							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0	0	0			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0			
4	**Các nội dung khác**							
V	**Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**							
1	**Quản lý, sử dụng đất**							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
4	**Các nội dung khác**		0	0	0			
VI	**Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**							
1	**Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động**	vụ	0	0	0			
2	**Số tiền xử lý vi phạm thu được**	triệu đồng	0	0	0			
3	**Các nội dung khác**		0	0	0			
VII	**Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**							
1	**Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh**							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	0	0	0			
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	0	0	0			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0	0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0	0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	0	0	0			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		0	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*	0	0	0			
	Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*	0	0	0			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	*dự án*	0	0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	*triệu đồng*	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	**Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN**							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	0	0	0			
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	0	0	0			
4	**Mua sắm phương tiện**							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	1	1	1	100%	100%	100%
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	1	0	1			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	831,2	0	831,2			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	1	0	1			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	182,6	0	182,6			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0	0	0			
5	**Nợ phải thu khó đòi**							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	0	0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0			
6	**Vốn chủ sở hữu**							
	Số đầu năm	triệu đồng	0	0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0			
VIII	**Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân**							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1	**Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP**	**Lượt hộ**	0	0	0			
2	**Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện**	**Vụ**	0	0	0			
IX	**Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP**							
1	**Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện**	cuộc	0	0	0			
2	**Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành**	cuộc	0	0	0			
3	**Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP**	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0			
4	**Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện**	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0			
5	**Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát**	triệu đồng	0	0	0			
6	**Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi**	triệu đồng	0	0	0			

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
Nguyễn Văn Tâm	Nguyễn Công Vân